

**BARRIERS TO CLINICAL PATIENT ASSESSMENT
AMONG REGULAR NURSING COLLEGE STUDENTS
AT HA NAM MEDICAL COLLEGE IN 2025**

Tran Trung Truong^a

Nguyen Thi Thuy^b

Nguyen Thi Hoa^c

^{a,b,c}Ha Nam Medical College

^aEmail: maianh.3t@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0002-7479-4096>

^bEmail: nguyenthuycyh@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0001-3331-4271>

^cEmail: phuchoa3016@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0002-2360-7887>

Article History

Received: 15/01/2026

Reviewed: 25/01/2026

Revised: 12/02/2026

Accepted: 01/03/2026

Released: 30/03/2026

ORCID iD: <https://doi.org/10.64223/tvj.e2026.v2.i5.a81>

1. Đặt vấn đề

Thực tập/Thực hành nghề nghiệp đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong triển khai chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp. Qua thực tập/Thực hành nghề nghiệp, người học tích lũy được các kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn năng lực cốt lõi cho quá trình hành nghề sau này. Đối với khối ngành sức khỏe, quá trình thực tập/Thực hành nghề nghiệp phải trải qua 2 giai đoạn là tiền lâm sàng tại trường và lâm sàng tại các cơ sở y tế. Giai đoạn tiền lâm sàng tại trường giúp người học có được các kỹ năng cơ bản thông qua thực hành mô phỏng/tình huống trên mô hình; giai đoạn lâm sàng tại các cơ sở y tế giúp người học thành thực các kỹ năng cơ bản của một người cán bộ y tế thực thụ (Akhila B., 2024).

Đối với Sinh viên Cao đẳng Điều dưỡng, thực tập lâm sàng không những giúp cho Sinh viên có cái nhìn thực tế, khách quan về công việc, ngành nghề của mình, mà quan trọng hơn giúp cho Sinh viên củng cố được kiến thức chuyên ngành, nâng cao tay nghề, trau dồi kỹ năng giao tiếp và tích lũy nhiều kinh nghiệm lâm sàng quý báu. Trên môi trường lâm sàng, Sinh viên có cơ hội được đánh giá và chăm sóc trực tiếp trên người bệnh, tương tác với gia đình người bệnh và các nhân viên y tế khác cũng như hoàn thiện

Abstract:

This study describes the current state of barriers to patient assessment in clinical settings for full-time nursing students at Ha Nam Medical College in 2025.

The study was a cross-sectional descriptive study with analysis conducted on 34 full-time nursing students at Ha Nam Medical College in 2025. The results showed that "Infection risk factors" "Work pressure" and "Hospital environment" were the biggest barriers affecting patient assessment among nursing students.

In conclusion, equipping students with knowledge about infection risk factors and communication skills, and strengthening the role and responsibilities of clinical instructors are necessary activities when implementing the practical training program for nursing at the college level.

Keywords: Barriers; Patient assessment; Nursing college; Ha Nam Medical College 2025.

các năng lực nghề nghiệp đã được học tại trường (Chu, T.L. và cộng sự, 2024).

Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam với bề dày hơn 25 năm đào tạo ngành Điều dưỡng, những năm qua nhà trường thường xuyên cập nhật, cải tiến Chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng theo định hướng phù hợp với Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam theo Quyết định số 3474/QĐ-BYT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Trong đó, để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng các năng lực thực hành nghề nghiệp, ngoài thời lượng thực hành luôn chiếm > 60% thì các học phần lâm sàng luôn được chú trọng nhằm đảm bảo năng lực "khám, nhận định, phân tích và đánh giá tình trạng sức khỏe, bệnh tật của người bệnh".

Trên thực tế triển khai, những rào cản khi nhận định người bệnh trên lâm sàng là các yếu tố tác động không nhỏ đến Sinh viên Điều dưỡng và quá trình hoàn thiện năng lực nghề nghiệp. Để có cơ sở đánh giá những tác động trên, chúng tôi thực hiện đề tài: "Những rào cản khi nhận định người bệnh trên lâm sàng của sinh viên Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025" với 2 mục tiêu:

(1) Mô tả thực trạng những rào cản khi nhận định

người bệnh trên lâm sàng của sinh viên Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025;

(2) Xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến những rào cản khi nhận định người bệnh trên lâm sàng của Sinh viên Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy trên địa bàn nghiên cứu.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: 34 sinh viên các lớp chính quy đang học ngành Cao đẳng Điều dưỡng năm thứ 2 và năm thứ 3 tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025.

2.2. Cỡ mẫu và chọn mẫu

- Sinh viên Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy đang học năm thứ 2 (15 sinh viên) và năm thứ 3 (19 sinh viên) tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025. Tổng số 34 sinh viên.

- Chọn đối tượng nghiên cứu: Chọn toàn bộ sinh viên có mặt tại buổi thu thập số liệu.

2.3. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

2.4. Cách thức tiến hành nghiên cứu

Bộ công cụ bao gồm:

Phần 1: Đặc điểm đối tượng nghiên cứu bao gồm các thông tin về tuổi, giới, ngành học, hộ khẩu thường

trú...

Phần 2: Nhận thức về rào cản khi nhận định người bệnh trên lâm sàng được xây dựng trên cơ sở tham khảo Bộ câu hỏi về rào cản của điều dưỡng khi nhận định người bệnh (BNUPAS) do Douglas và cộng sự xây dựng. Có 7 nội dung đánh giá (sự thiếu tự tin, thiếu kỹ năng giao tiếp, lo lắng với các yếu tố nguy cơ lây nhiễm, môi trường bệnh viện, thiếu hướng dẫn của giáo viên lâm sàng và nhân viên y tế, áp lực công việc, sự cạnh tranh giữa các sinh viên). Mỗi nội dung có 3 câu hỏi được đánh giá bằng thang điểm Likert 5. Điểm đánh giá mỗi câu hỏi nằm trong khoảng 1 - 5 tương ứng điểm số 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Phân vân; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý. (Barriers to Health Assessment, <https://nursing.com/lesson/01-02-barriers-to-health-assessment>)

Phân loại đánh giá: Dựa trên điểm trung bình các câu trả lời của từng nội dung và điểm trung bình chung.

2.5. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

- Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0

- Kết quả nghiên cứu được trình bày dưới dạng số lượng và tỷ lệ phần trăm (%).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi		
≤ 20	10	29,4
> 20	24	70,6
Giới		
Nam	11	32,4
Nữ	23	67,6
Năm sinh viên		
Sinh viên năm thứ 2	15	44,1
Sinh viên năm thứ 3	19	55,9
Hộ khẩu		
Thành thị	22	64,7
Nông thôn	12	35,3

Nhận xét: Phần lớn đối tượng nghiên cứu có độ tuổi > 20 tuổi với tỷ lệ 70,6 %, nữ giới chiếm hơn 2/3. Sinh viên năm thứ 3 chiếm tỷ lệ cao nhất là 55,9 %;

và 64,7 % sinh viên có hộ khẩu ở thành thị.

3.2. Nhận thức của đối tượng nghiên cứu về sự thiếu tự tin khi nhận định người bệnh (n=34)

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Điểm đạt		
		Rank	Mean	SD
Rào cản 1. Sự thiếu tự tin			1,87	0,66
1	Sinh viên thiếu tự tin trong việc thực hiện các kỹ năng nhận định người bệnh	3	1,62	1,02
2	Sự có mặt của bạn học, giảng viên, nhân viên y tế làm sinh viên thiếu tự tin	1	2,24	0,85
3	Kiến thức chưa đủ làm SV thiếu tự tin	2	1,77	1,05

Nhận xét: Điểm trung bình nhận thức về rào cản “Sự thiếu tự tin” của ĐTNC là $1,87 \pm 0,66$, trong đó cao nhất là yếu tố “Sự có mặt của bạn học, GV, NVYT làm sinh viên thiếu tự tin” ($2,24 \pm 0,85$).

3.3. Nhận thức của ĐTNC về thiếu kỹ năng giao tiếp với NB và NVYT (n =34)

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Điểm đạt		
		Rank	Mean	SD
Rào cản 2. Thiếu kỹ năng giao tiếp			1,86	1,00
1	Sinh viên có ít kinh nghiệm giao tiếp với NB và NVYT	2	1,85	1,16
2	Sinh viên cảm thấy chưa đủ kiến thức về bệnh khi phỏng vấn (hỏi bệnh) NB	3	1,82	1,09
3	NB và NVYT ít giao tiếp với sinh viên tại khoa thực tập	1	1,91	1,16

Nhận xét: Điểm trung bình nhận thức về rào cản “Thiếu kỹ năng giao tiếp” của ĐTNC là $1,86 \pm 1,00$, trong đó cao nhất là yếu tố “NB và NVYT ít giao tiếp với sinh viên tại khoa thực tập” ($1,91 \pm 1,16$).

3.4. Nhận thức của ĐTNC về sự lo lắng với các yếu tố nguy cơ lây nhiễm

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Điểm đạt		
		Rank	Mean	SD
Rào cản 3. Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm			2,74	0,64
1	Sinh viên lo lắng khả năng bị lây nhiễm chéo khi nhận định NB	1	3,50	0,83
2	Sinh viên cảm thấy chưa đủ kiến thức về KSNK khi nhận định NB	3	1,97	1,27
3	Sinh viên chưa đủ phương tiện phòng hộ cá nhân khi nhận định NB	2	2,73	0,96

Nhận xét: Điểm trung bình nhận thức về rào cản “Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm” của ĐTNC là $2,74 \pm 0,64$, trong đó cao nhất là yếu tố “Sinh viên lo lắng khả năng bị lây nhiễm chéo khi nhận định NB” ($3,50 \pm 0,83$).

3.5. Nhận thức của ĐTNC về môi trường BV

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Điểm đạt		
		Rank	Mean	SD
Rào cản 4. Môi trường bệnh viện			2,74	0,64
1	Môi trường (ánh sáng, tiếng ồn, sự riêng tư...) gây khó khăn cho việc nhận định NB	3	1,82	1,11
2	Đặc thù của Khoa thực tập khiến Sinh viên không thể thực hiện thăm khám điều dưỡng	1	2,44	0,78
3	Sinh viên không đủ các thiết bị (ống nghe, máy đo HA, nhiệt kế...) để nhận định NB	2	1,94	1,18

Nhận xét: Điểm trung bình nhận thức về rào cản “Môi trường bệnh viện” của ĐTNC là $2,07 \pm 0,70$, trong đó cao nhất là yếu tố “Đặc thù của khoa thực tập khiến sinh viên không thể thực hiện thăm khám điều dưỡng” ($2,44 \pm 0,78$).

3.6. Nhận thức của ĐTNC về sự thiếu hướng dẫn của GV lâm sàng và NVYT

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Điểm đạt		
		Rank	Mean	SD
Rào cản 5. Sự thiếu hướng dẫn			1,47	0,67
1	GV không khuyến khích Sinh viên thực hiện nhận định NB khi không có mặt người hướng dẫn	2	1,47	0,89
2	NVYT không khuyến khích Sinh viên thực hiện nhận định NB khi không có mặt người hướng dẫn	3	1,41	0,56
3	Sinh viên chưa chủ động đề nghị GV, NVYT hướng dẫn nhận định NB	1	1,53	0,96

Nhận xét: Điểm trung bình nhận thức về rào cản “Sự thiếu hướng dẫn của GV lâm sàng và NVYT” của ĐTNC là $1,47 \pm 0,67$, trong đó cao nhất là yếu tố “Sinh viên chưa chủ động đề nghị GV, NVYT hướng dẫn nhận định NB” ($1,53 \pm 0,96$).

3.7. Nhận thức của ĐTNC về áp lực công việc, áp lực từ phía NB/người nhà NB

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Điểm đạt		
		Rank	Mean	SD
Rào cản 6. Áp lực công việc			2,18	0,71
1	Sinh viên không đủ thời gian thực hiện nhận định NB	3	1,71	1,11
2	NB/người nhà NB không hợp tác trong quá trình nhận định	1	3,09	1,16
3	Việc gián đoạn trong quá trình thực tập cản trở sinh viên nhận định NB	2	1,77	1,08

Nhận xét: Điểm trung bình nhận thức về rào cản “Áp lực công việc, áp lực từ phía NB/người nhà NB” của ĐTNC là $2,18 \pm 0,71$, trong đó cao nhất là yếu tố “NB/người nhà NB không hợp tác trong quá trình nhận định” ($3,09 \pm 1,16$).

3.8. Nhận thức của ĐTNC về sự cạnh tranh giữa các Sinh viên

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Điểm đạt		
		Rank	Mean	SD
Rào cản 7. Sự cạnh tranh giữa các Sinh viên			1,88	1,05
1	Nhiều Sinh viên các trường cùng thực tập tại khoa	1	2,09	1,35
2	Thiếu sự hỗ trợ của Sinh viên khác trong quá trình nhận định người bệnh	3	1,71	0,91
3	Nhóm thực tập phân công nhiệm vụ quá nhiều cho Sinh viên	2	1,85	1,07

Nhận xét: Điểm trung bình nhận thức về rào cản “Sự cạnh tranh giữa các Sinh viên” của ĐTNC là $1,88 \pm 1,05$, trong đó cao nhất là yếu tố “Nhiều sinh viên các trường cùng thực tập tại khoa” ($2,09 \pm 1,35$).

3.9. Nhận thức của ĐTNC về rào cản khi nhận định NB trên lâm sàng

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Điểm đạt		
		Rank	Mean	SD
1	Rào cản 1. Sự thiếu tự tin	5	1,87	0,66
2	Rào cản 2. Thiếu kỹ năng giao tiếp	6	1,86	1,00
3	Rào cản 3. Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm	1	2,74	0,64
4	Rào cản 4. Môi trường bệnh viện	3	2,07	0,70
5	Rào cản 5. Sự thiếu hướng dẫn	7	1,47	0,67
6	Rào cản 6. Áp lực công việc	2	2,18	0,71
7	Rào cản 7. Sự cạnh tranh giữa các sinh viên	4	1,88	1,05
8	Trung bình chung		2,01	0,61

Nhận xét: Sinh viên có điểm trung bình chung nhận thức về rào cản là $2,01 \pm 0,61$; trong đó, nhận thức về rào cản “Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm” có điểm trung bình cao nhất ($2,74 \pm 0,64$), tiếp theo là rào cản “Áp lực công việc” ($2,18 \pm 0,71$); “Môi trường bệnh viện” ($2,07 \pm 0,70$); “Sự cạnh tranh giữa các Sinh viên” ($1,88 \pm 1,05$); “Sự thiếu tự tin” ($1,87 \pm 0,66$); “Thiếu kỹ năng giao tiếp” ($1,86 \pm 1,00$); “Sự thiếu hướng dẫn của GV & NVYT” ($1,47 \pm 0,67$).

3.10. Ảnh hưởng của yếu tố nhóm tuổi đến những rào cản khi nhận định NB trên lâm sàng (n=34)

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Nhóm tuổi (n) (Mean \pm SD)		p (*)
		≤ 20 tuổi (n=10)	> 20 tuổi (n=24)	
1	Rào cản 1. Sự thiếu tự tin	$1,87 \pm 0,59$	$1,88 \pm 0,69$	$> 0,05$
2	Rào cản 2. Thiếu kỹ năng giao tiếp	$2,30 \pm 0,67$	$1,68 \pm 1,07$	$> 0,05$
3	Rào cản 3. Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm	$2,57 \pm 0,42$	$2,81 \pm 0,71$	$> 0,05$
4	Rào cản 4. Môi trường NB	$2,26 \pm 0,56$	$1,99 \pm 0,75$	$> 0,05$
5	Rào cản 5. Sự thiếu hướng dẫn	$1,87 \pm 0,61$	$1,31 \pm 0,63$	$< 0,05$
6	Rào cản 6. Áp lực công việc	$2,20 \pm 0,65$	$2,17 \pm 0,74$	$> 0,05$
7	Rào cản 7. Sự cạnh tranh giữa các Sinh viên	$2,70 \pm 0,87$	$1,54 \pm 0,94$	$< 0,05$
8	Trung bình chung	$2,25 \pm 0,35$	$1,91 \pm 0,67$	$> 0,05$

(*) Independent - Samples T Test

Nhận xét: Sinh viên nhóm ≤ 20 tuổi có điểm nhận thức về rào cản “Sự thiếu hướng dẫn của GV & NVYT” và rào cản “Sự cạnh tranh giữa các Sinh viên” ($1,87 \pm 0,61$ và $2,70 \pm 0,87$) cao hơn Sinh viên nhóm > 20 tuổi ($1,31 \pm 0,63$ và $1,54 \pm 0,94$). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

3.11. Ảnh hưởng của yếu tố năm sinh viên đến những rào cản khi nhận định NB trên lâm sàng (n=34)

TT	Nội dung đánh giá (BNUPAS)	Năm sinh viên (n) (Mean \pm SD)		p (*)
		Năm II (15)	Năm III (19)	
1	Rào cản 1. Sự thiếu tự tin	$2,04 \pm 0,69$	$1,74 \pm 0,61$	$> 0,05$
2	Rào cản 2. Thiếu kỹ năng giao tiếp	$2,42 \pm 0,62$	$1,42 \pm 1,03$	$< 0,05$
3	Rào cản 3. Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm	$2,62 \pm 0,56$	$2,82 \pm 0,69$	$> 0,05$
4	Rào cản 4. Môi trường NB	$2,38 \pm 0,55$	$1,82 \pm 0,72$	$< 0,05$

5	Rào cản 5. Sự thiếu hướng dẫn	1,84 ± 0,60	1,18 ± 0,57	< 0,05
6	Rào cản 6. Áp lực công việc	2,18 ± 0,63	2,17 ± 0,78	> 0,05
7	Rào cản 7. Sự cạnh tranh giữa các SV	2,73 ± 0,83	1,21 ± 0,64	< 0,05
8	Trung bình chung	2,32 ± 0,36	1,77 ± 0,66	< 0,05

(**) Independent - Samples T Test*

Nhận xét: Sinh viên năm thứ II có điểm nhận thức về rào cản “Thiếu kỹ năng giao tiếp”, “Môi trường bệnh viện”, “Sự thiếu hướng dẫn của GV & NVYT”, “Sự cạnh tranh giữa các SV” và điểm trung bình chung nhận thức về các rào cản (2,42 ± 0,62; 2,38 ± 0,55; 1,84 ± 0,60; 2,73 ± 0,83 và 2,32 ± 0,36) cao hơn Sinh viên năm thứ III (1,42 ± 1,03; 1,82 ± 0,72; 1,18 ± 0,57; 1,21 ± 0,64 và 1,77 ± 0,66). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p < 0,05.

4. Bàn luận

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Trong nghiên cứu của chúng tôi, đối tượng nghiên cứu là nữ giới chiếm đa số (67,6%) cao gấp hơn 2 lần so với đối tượng nam giới (32,4%). Tỷ lệ giới tính phản ánh đặc trưng của các khóa học ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng với các kỹ năng nghề nghiệp đòi hỏi sự cẩn mẫn, khéo tay nên là sự lựa chọn của các nữ sinh viên nhiều hơn. Phần lớn sinh viên thuộc nhóm >20 tuổi (70,6%), kết quả này phù hợp với đặc thù của chủ đề nghiên cứu khi nội dung nhận định người bệnh trên thực tế lâm sàng thường được triển khai ở những môn học chuyên ngành từ học kỳ 4 của chương trình đào tạo. Đồng thời, nghiên cứu cũng ghi nhận tỷ lệ Sinh viên năm thứ III (55,9%) cao hơn Sinh viên năm thứ II (44,1%); tỷ lệ Sinh viên có hộ khẩu ở thành thị (64,7 %) cao hơn Sinh viên có hộ khẩu ở nông thôn (35,3%).

4.2. Nhận thức của Sinh viên về rào cản khi nhận định NB trên lâm sàng

Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận 3 rào cản lớn nhất đối với Sinh viên điều dưỡng khi nhận định NB trên lâm sàng là “Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm” (2,74 ± 0,64), “Áp lực công việc” (2,18 ± 0,71) và “Môi trường bệnh viện” (2,07 ± 0,70). Kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu năm 2022 tại Hồ Nhĩ Kỳ với những rào cản đáng kể nhất đối với sinh viên điều dưỡng khi nhận định NB tại các cơ sở thực tập là "thiếu thời gian và gián đoạn do áp lực công việc" và "môi trường bệnh viện". Trong đó cũng ghi nhận rào cản từ “Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm” như một thành tố trong lĩnh vực chuyên môn cần được xem xét mặc dù đó không phải là rào cản lớn nhất (Emel,G.,2022). Môi trường bệnh viện với đặc trưng của từng khoa lâm sàng và ảnh hưởng của tiếng ồn, tình trạng quá tải người bệnh cùng với áp lực công việc và thiếu các thiết bị phụ trợ cũng được đề cập như là một rào cản trong nghiên cứu năm 2021 tại Bệnh viện 198 Bộ Công an và nghiên cứu năm 2024 tại Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Chu,T.L.và Cộng sự, 2024), (Đỗ,T.V., 2022).

Kết quả nghiên cứu tại Saudi Arab cho thấy, hơn một nửa số Sinh viên điều dưỡng coi việc “thiếu tự

tin” là rào cản lớn nhất khi nhận định NB. Trong khi nghiên cứu của chúng tôi “sự thiếu tự tin” là rào cản ở vị trí 5/7. Sự khác biệt này được chỉ ra trong nghiên cứu là do Sinh viên điều dưỡng lo ngại rằng họ không thể đánh giá tình trạng của bệnh nhân, đặc biệt là trong trường hợp khẩn cấp mặc dù họ được tiếp xúc với việc thực hành các kỹ năng nhận định NB mô phỏng tại phòng thực hành tiền lâm sàng nhưng vẫn còn nghi ngờ về các kỹ năng trong tình huống thực tế. Như Sinh viên điều dưỡng đã trải nghiệm, mô phỏng hoàn toàn khác với tình huống thực tế, và việc thiếu tự tin vào năng lực nhận định NB đã ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng của Sinh viên (Akhila, B., 2024).

Hỏi bệnh và thăm khám điều dưỡng là yếu tố then chốt khi nhận định NB. Để có được sự hợp tác của NB và gia đình họ khi hỏi bệnh và thăm khám điều dưỡng đòi hỏi Sinh viên phải có kỹ năng giao tiếp. Nghiên cứu năm 2022 tại Thụy Sĩ ghi nhận rào cản về giao tiếp có tác động không nhỏ đến quá trình nhận định NB của Sinh viên điều dưỡng và sự hỗ trợ từ các giảng viên lâm sàng và các điều dưỡng viên thông qua các tình huống giao tiếp thực tế được đánh giá là yếu tố quan trọng giúp Sinh viên vượt qua rào cản này (Lorena, D.V.G.,2022). Từ đó, nêu bật vai trò của Giảng viên lâm sàng và Nhân viên y tế trong quá trình thực tập của Sinh viên điều dưỡng, mặc dù kết quả nghiên cứu chỉ ra sự thiếu hướng dẫn của Giảng viên và Nhân viên y tế chủ yếu xuất phát từ việc Sinh viên chưa chủ động trong tiến trình học tập của mình.

Sự cạnh tranh giữa các Sinh viên là rào cản thứ 4/7 thể hiện đặc điểm riêng biệt trong đào tạo khối ngành sức khỏe khi một cơ sở y tế có thể là cơ sở đào tạo thực hành của nhiều trường y. Do vậy, Sinh viên của đơn vị khác hoặc Sinh viên của khóa trước khi đi thực tập vào cùng thời gian sẽ tạo nên sự cạnh tranh giữa các Sinh viên. Từ đó, thúc đẩy quá trình tự đào tạo của Sinh viên điều dưỡng khi có điều kiện học cùng Sinh viên khóa trước, tuy nhiên cũng sẽ làm quá tải đối với cơ sở thực tập và tần suất thực hiện các thủ thuật chuyên môn cũng như nhận định NB của Sinh viên điều dưỡng (Zahida,J.,2023), (Majed, S.A.,2018).

4.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến rào cản khi nhận định NB trên lâm sàng

Điểm nhận thức về rào cản “Sự thiếu hướng dẫn của GV & NVYT” của Sinh viên nhóm ≤ 20 tuổi ($1,87 \pm 0,61$) cao hơn sinh viên nhóm > 20 tuổi ($1,31 \pm 0,63$); của Sinh viên năm thứ II ($1,84 \pm 0,60$) cao hơn Sinh viên năm thứ III ($1,18 \pm 0,57$). Kết quả này thể hiện mong muốn của Sinh viên là được hướng dẫn nhiều hơn bởi GV và Điều dưỡng lâm sàng. Các nghiên cứu trước đó cũng chỉ ra sự coi trọng việc hướng dẫn của GV & NVYT của Sinh viên điều dưỡng đi thực tập lâm sàng (Chu, T.L. và Cộng sự, 2024), (Emel, G., 2022).

Điểm nhận thức về rào cản “Sự cạnh tranh giữa các SV” của Sinh viên nhóm ≤ 20 tuổi ($2,70 \pm 0,87$) cao hơn Sinh viên nhóm > 20 tuổi ($1,54 \pm 0,94$); của Sinh viên năm thứ II ($2,32 \pm 0,36$) cao hơn Sinh viên năm thứ III ($1,77 \pm 0,66$). Sự khác biệt này không được ghi nhận ở các nghiên cứu mà chúng tôi tham khảo. Điều này có thể được lý giải bởi những đặc thù riêng của các cơ sở thực hành lâm sàng đối với

mỗi nhà trường cũng như thời điểm Sinh viên đi thực hành.

5. Kết luận

Qua các kết quả nghiên cứu, chúng tôi có một số kết luận sau:

- “Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm”, “Áp lực công việc” và “Môi trường bệnh viện” là những rào cản lớn nhất tác động đến nhận định NB của Sinh viên điều dưỡng.

- Sinh viên nhóm ≤ 20 tuổi có điểm nhận thức về rào cản “Sự thiếu hướng dẫn của GV & NVYT” và rào cản “Sự cạnh tranh giữa các SV” cao hơn Sinh viên nhóm > 20 tuổi ($p < 0,05$).

- Sinh viên năm thứ II có điểm nhận thức về rào cản “Thiếu kỹ năng giao tiếp”, “Môi trường bệnh viện”, “Sự thiếu hướng dẫn của GV & NVYT”, “Sự cạnh tranh giữa các Sinh viên” và điểm trung bình chung nhận thức về các rào cản cao hơn Sinh viên năm thứ III ($p < 0,05$).

Tài liệu tham khảo

- Akhila, B. (2024). *Assessment of Challenges Faced by Nursing Students during Clinical Learning Environment of Selected Nursing College*. IJNRD, Volume 9, Issue 5: 638 - 648.
- Bộ Y tế (2022). Quyết định số 3474/QĐ-BYT về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Điều dưỡng Việt Nam”.
- Barriers to Health Assessment*. <https://nursing.com/lesson/01-02-barriers-to-health-assessment>
- Chu, T.L. và Cộng sự (2024). *Nhận thức của Sinh viên Điều dưỡng về môi trường thực tập lâm sàng*. Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, 27(2): 113 - 120.
- Emel Gülnar (2022). *Barriers to physical assessment skills in nurses and nursing students: a comparative-descriptive cross-sectional study*. Journal of Human Sciences, 19 (1), 46 - 55.
- Lorena, D.V.G. (2022). *Barriers to nurses performing physical assessments in rehabilitation care units: An observational study*. J Adv Nurs. 2023; 79: 3057 - 3068.
- Majed, S.A. (2018). *Barriers of physical assessment skills among nursing students in Arab Peninsula*, International Journal of Health Sciences, Vol. 12, Issue 3 (May - June 2018).
- Zahida, J. (2023). *Nurses' Knowledge Regarding Nursing Process and Barriers in its Application*. Pakistan Journal of Health Sciences, Volume 4, Issue 7: 52 - 56.

NHỮNG RÀO CẢN KHI NHẬN ĐỊNH NGƯỜI BỆNH TRÊN LÂM SÀNG
CỦA SINH VIÊN CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG HỆ CHÍNH QUY
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NAM NĂM 2025

Trần Trung Trường^a

Nguyễn Thị Thúy^b

Nguyễn Thị Hoa^c

^{a,b,c}Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam

^aEmail: maianh.3t@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0002-7479-4096>

^bEmail: nguyenthuycyh@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0001-3331-4271>

^cEmail: phuchoa3016@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0002-2360-7887>

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 15/01/2026

Ngày phản biện: 25/01/2026

Ngày tác giả sửa: 12/02/2026

Ngày duyệt đăng: 01/03/2026

Ngày phát hành: 30/03/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.e2026.v2.i5.a81>

Tóm tắt:

Mô tả thực trạng những rào cản khi nhận định người bệnh (NB) trên lâm sàng của sinh viên Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025.

Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên đối tượng là 34 Sinh viên chính quy ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025.

Kết quả, “Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm”, “Áp lực công việc” và “Môi trường bệnh viện” là những rào cản lớn nhất tác động đến nhận định người bệnh của Sinh viên điều dưỡng.

Kết luận, trang bị kiến thức về các yếu tố nguy cơ lây nhiễm, kỹ năng giao tiếp cho Sinh viên và tăng cường vai trò, trách nhiệm của Giảng viên lâm sàng là những hoạt động cần thiết khi triển khai chương trình đào tạo thực hành ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng.

Từ khóa: Rào cản; Nhận định người bệnh; Cao đẳng điều dưỡng; Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2025.